

Bản án số: 657/2024/HNGĐ-ST

Ngày 08 tháng 8 năm 2024

Về ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Nam H,

- Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn H1,

Ông Phạm Quang L.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Hoàng Mạnh H2, Thư ký
Tòa án nhân dân Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận T, T phố Hịa Chí M tham gia
phiên tòa: Bà Trần Mai H3 – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2024 tại Phòng xử án dân sự trụ sở Tòa án nhân dân Quận T, T phố Hịa Chí M, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 1003/2023/HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2023, về “Ly hôn”, theo Q định đưa vụ án ra xét xử số 740/2024/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2024, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 972/2024/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: ông Vũ Tuấn A; địa chỉ: 2 Đ, phường S, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Chỗ ở hiện nay: Tổ G, ấp A, xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt tại phiên tòa).

- Bị đơn: bà Trương Thị Thanh T1, địa chỉ: 7 Bờ Bao T, phường S, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi làm việc: 20 T, phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở hiện nay: A B, phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn yêu cầu ly hôn và lời khai của các bên đương sự tại phiên tòa, nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn ông Vũ Tuấn A và bị đơn bà Trương Thị Thanh T1 tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2016, đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 73/2016 ngày 28/7/2016 tại Ủy ban nhân dân phường S, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Trong thời gian chung sống, giữa nguyên đơn và bị đơn có con chung là: Vũ Thảo Vân A1, nữ, sinh ngày 04/05/2017.

Sau khi đăng ký kết hôn, thời gian đầu giữa nguyên đơn và bị đơn chung sống vợ chồng hạnh phúc, nhưng thời gian sau này phát sinh mâu thuẫn và bất đồng ý kiến trên nhiều lĩnh vực, đến khoảng tháng 5/2022, bị đơn cùng con chung thuê nhà trọ ở riêng.

Nguyên đơn nhận thấy cuộc hôn nhân không đạt mục đích, xác định tình cảm không còn, yêu cầu Tòa án giải quyết: được ly hôn với bà **Trương Thị Thanh T1**; đồng ý giao con chung cho bà **T1** trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục; nguyên đơn cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng; không yêu cầu giải quyết tài sản chung, nợ chung.

** Bị đơn bà **Trương Thị Thanh T1** trình bày:*

Bà **T1** không đồng ý ly hôn vì muốn con còn có cha và mẹ; yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con chung; yêu cầu ông **Vũ Tuấn A** cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000 đồng – 6.000.000 đồng/tháng. Về tài sản chung, nợ chung: chưa giải quyết xong.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổ chức các phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đoàn tụ vào các ngày 05 tháng 01 năm 2024, ngày 26 tháng 01 năm 2024 và ngày 08 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự nhưng không thành, nên Tòa án đã lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và đưa vụ án ra xét xử theo trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn, bị đơn giữ nguyên ý kiến như trên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

+ Về thủ tục tố tụng: việc xác minh, thu thập chứng cứ, thực hiện thủ tục tổng đạt các loại văn bản tố tụng và xét xử của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký được thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

+ Về nội dung vụ án:

Qua kết quả phần thủ tục hỏi, phần tranh luận tại phiên tòa, việc thu thập, thẩm tra, xem xét chứng cứ của Hội đồng xét xử là đầy đủ, rõ ràng.

Về quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn: hai bên đương sự thực tế đã không còn cùng chung sống từ khoảng tháng 5 năm 2022 (như bị đơn trình bày tại phiên tòa), nhưng đến nay vẫn không hoà giải đoàn tụ được, thể hiện cuộc sống hôn nhân mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

Về quan hệ hôn nhân: ông **Vũ Tuấn A** được ly hôn bà **Trương Thị Thanh T1**.

Về quan hệ con chung: giao con chung là trẻ **Vũ Thảo Vân A1**, nữ, sinh ngày 04/05/2017 cho bà **T1** trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: nguyên đơn có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: không xem xét giải quyết do các đương sự không có yêu cầu.

PHẦN NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, H4 đồng xét xử nhận định:

** Về thủ tục tố tụng:*

[1] Về đơn khởi kiện:

Hình thức, nội dung đơn yêu cầu ly hôn của ông Vũ Tuấn A thực hiện đúng quy định tại Điều 189 Bộ luật tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Xét, ông Vũ Tuấn A và bà Trương Thị Thanh T1 tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2016, đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 73/2016 ngày 28/7/2016 tại Ủy ban nhân dân phường S, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; hiện nay bị đơn cư trú tại Quận T, T phố Hịa Chí M, nên tranh chấp trong vụ án là ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận T, T phố Hịa Chí M theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình.

** Về nội dung vụ án:*

[3] Về quan hệ hôn nhân: ông Vũ Tuấn A và bà Trương Thị Thanh T1 có quan hệ hôn nhân hợp pháp, theo trình bày của nguyên đơn, bị đơn thì hôn nhân thời gian đầu hạnh phúc, nhưng từ 6 – 7 năm gần đây thì phát sinh mâu thuẫn. Mâu thuẫn gay gắt là từ khoảng tháng 5/2022 đến nay, hai bên phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, mục đích hôn nhân không đạt, nguyên đơn và bị đơn không còn cùng chung sống một nhà.

Hội đồng xét xử xét, về nguyên nhân mâu thuẫn vợ - chồng giữa nguyên đơn và bị đơn, theo trình bày của nguyên đơn và bị đơn thì mâu thuẫn giữa hai vợ chồng xảy ra là do mâu thuẫn về tính cách của nguyên đơn và bị đơn, mâu thuẫn về kinh tế, mâu thuẫn về giáo dục, chăm sóc con chung,... nên giữa bị đơn và nguyên đơn thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, dẫn đến việc hai bên bất đồng quan điểm sống, nên khoảng tháng 5/2022 nguyên đơn và bị đơn không còn cùng chung sống một nhà, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau.

Như vậy, trong quá trình chung sống vợ chồng, giữa nguyên đơn và bị đơn thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, mâu thuẫn kéo dài, không còn cùng chung sống từ tháng 5/2022, thể hiện mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, hai bên đương sự không tự hoà giải đoàn tụ được. Nguyên đơn xác định hiện không còn tình cảm vợ - chồng với bị đơn; do vậy trường hợp của nguyên đơn được ly hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

Về quan hệ con chung: căn cứ lời khai thống nhất của nguyên đơn, bị đơn cùng với các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được Tòa án thu thập, thể hiện, trong quá trình chung sống, giữa nguyên đơn và bị đơn có con chung là trẻ: **Vũ Thảo Vân A1**, nữ, sinh ngày 04/05/2017.

Nguyên đơn trình bày có nguyện vọng nuôi con chung, tuy nhiên, con chung là nữ và bị đơn yêu cầu nuôi dưỡng nên nguyên đơn đồng ý giao con chung cho bị đơn trực tiếp nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử xét, giao trẻ **Vũ Thảo Vân A1**, nữ, sinh ngày 04/05/2017 cho bị đơn trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp pháp luật và phù hợp nguyện vọng của trẻ.

Về cấp dưỡng nuôi con: nguyên đơn tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng, bị đơn yêu cầu nguyên đơn có nghĩa vụ cấp dưỡng mỗi tháng 5.000.000 đồng – 6.000.000 đồng.

Hội đồng xét xử xét, việc chăm sóc, giáo dục con chung là quyền và nghĩa vụ của cả hai vợ chồng sau khi ly hôn; theo nguyên đơn trình bày thì hiện nguyên đơn là nhân viên của Ngân hàng TMCP Á, tổng thu nhập lương tháng từ 10 – 12.000.000 đồng, nhưng nguyên đơn phải trả tiền thuê phòng trọ, phụ tiền sinh hoạt cho mẹ đã nghỉ hưu; do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận mức cấp dưỡng của nguyên đơn đối với con chung là 3.000.000 đồng/tháng, cho đến khi con chung thành niên.

Về tài sản chung và nợ chung: Toà án đã có Thông báo số 276/2024/TB-BSTLCC ngày 21 tháng 6 năm 2024, về việc bổ sung đơn khởi kiện, có nội dung: thông báo cho ông **Vũ Tuấn A**, bà **Trương Thị Thanh T1** biết là: ông **Vũ Tuấn A**, bà **Trương Thị Thanh T1** bổ sung cho Toà án Đơn yêu cầu phân chia tài sản chung, giải quyết nợ chung: xác định rõ phần quyền lợi, nghĩa vụ (tỷ lệ phần % phân chia hoặc số tiền cụ thể), kèm tài liệu, chứng cứ (giấy tờ về tài sản chung, vay nợ,...), tuy nhiên, hết thời gian ấn định, nguyên đơn có đơn trình bày không yêu cầu Toà án giải quyết, bị đơn không có đơn yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

Về án phí hôn nhân gia đình, cấp dưỡng sơ thẩm 600.000 đồng: ông **Vũ Tuấn A** phải chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng do ông **Vũ Tuấn A** đã tạm nộp. Ông **Vũ Tuấn A** còn phải nộp tiếp án phí cấp dưỡng 300.000 đồng.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 144, khoản 4 Điều 147, Điều 189, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 8, Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 57, **Đ, Đ, Đ, Đ, Đ, Đ, Đ, Đ, Đ, Đ, Đ, Đ**, Điều 116, Điều 117 của Luật hôn nhân và gia đình; **D** mục mức án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam,

X: Chấp nhận yêu cầu của ông **Vũ Tuấn A**.

1. Về quan hệ hôn nhân: ông **Vũ Tuấn A** được ly hôn với bà **Trương Thị Thanh T1**.

2. Về quan hệ con chung: ông **Vũ Tuấn A** và bà **Trương Thị Thanh T1** có con chung là trẻ **Vũ Thảo Vân A1**, nữ, sinh ngày 04/05/2017.

2.1. Giao bà **Trương Thị Thanh T1** trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con chung là trẻ **Vũ Thảo Vân A1**, nữ, sinh ngày 04/05/2017, cho đến khi trẻ Anh thành niên.

Về việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục chung: hai bên đương sự phải tạo mọi điều kiện cho nhau để thăm nom con và việc thăm nom con cũng không được ảnh hưởng đến sinh hoạt bình thường và học tập của trẻ; trường hợp có sự thay đổi nơi sinh sống, học tập của trẻ thì hai bên đương sự phải có nghĩa vụ thông báo cho nhau biết.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; khi có yêu cầu của cha, mẹ; người thân thích; cơ quan quản lý nhà nước về gia đình; cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em; hội liên hiệp phụ nữ, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

2.2. Cấp dưỡng nuôi con:

Ông **Vũ Tuấn A** cấp dưỡng nuôi con chung: trẻ **Vũ Thảo Vân A1**, nữ, sinh ngày 04/05/2017, cho đến khi thành niên.

Mức cấp dưỡng: 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) mỗi tháng.

Thời điểm bắt đầu cấp dưỡng: vào ngày 01 đến ngày 05 dương lịch mỗi tháng, bắt đầu cấp dưỡng từ tháng 09 năm 2024.

Việc giao – nhận số tiền cấp dưỡng hàng tháng và ông **Vũ Tuấn A** và bà **Trương Thị Thanh T1** tự thực hiện.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền cấp dưỡng thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền cấp dưỡng chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền cấp dưỡng được xác định theo thỏa thuận của các bên đương sự, nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Khi có lý do chính đáng, cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân, gia đình và cấp dưỡng sơ thẩm:

Ông **Vũ Tuấn A** phải chịu án phí 600.000 đồng (Sáu trăm ngàn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí do ông **Vũ Tuấn A** đã tạm nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2023/0000132 ngày 01 tháng 11 năm 2023 của Chi cục **T2** hành án dân sự **Quận T, T** phố **Hạ Chí M**.

Ông **Vũ Tuấn A** phải nộp tiếp số tiền án phí cấp dưỡng 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

5. Quyền kháng cáo: ông **Vũ Tuấn A** và bà **Trương Thị Thanh T1** có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

6. Giấy chứng nhận kết hôn số 73/2016 ngày 28/7/2016 tại Ủy ban nhân dân phường S, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, không còn giá trị kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành quyết định được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận Tân Phú;
- Chi cục thi hành án dân sự Quận Tân Phú;
- Ủy ban nhân dân phường Sơn Kỳ, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN
TOÀ**

Lê Nam Hải

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN
CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

P

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN TÂN PHÚ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào lúc 10 giờ 30 phút ngày 08 tháng 8 năm 2024, tại Phòng nghị án trụ sở Tòa án nhân dân Quận T, T phố Hịa Chí M.

Hội đồng xét xử sơ thẩm với thành phần gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Nam H,
- *Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Văn H1,
Ông Phạm Quang L.

Đã tiến hành nghị án hồ sơ thụ lý số 1003/2023/HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2023, về “Ly hôn”, theo Q định đưa vụ án ra xét xử số 740/2024/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2024, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 972/2024/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* ông Vũ Tuấn A (có mặt tại phiên tòa).
- *Bị đơn:* bà Trương Thị Thanh T1 (có mặt tại phiên tòa).

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án và sự trình bày, tranh luận và xác nhận của đương sự tại phiên tòa, H4 đồng xét xử thảo luận về những vấn đề sau:

1. Về điều luật áp dụng:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 144, khoản 4 Điều 147, Điều 189, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 8, Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 57, Đ, Đ, Đ, Đ, Đ, Đ, Đ, Đ, Đ, Điều 116, Điều 117 của Luật hôn nhân và gia đình; D mục mức án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Biểu quyết:

2. Về nội dung:

Chấp nhận yêu cầu của ông **Vũ Tuấn A**.

Biểu quyết:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: ông **Vũ Tuấn A** được ly hôn với bà **Trương Thị Thanh T1**.

Biểu quyết:

2.2. Về quan hệ con chung: ông **Vũ Tuấn A** và bà **Trương Thị Thanh T1** có con chung là trẻ **Vũ Thảo Vân A1**, nữ, sinh ngày 04/05/2017.

Giao bà **Trương Thị Thanh T1** trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con chung là trẻ **Vũ Thảo Vân A1**, nữ, sinh ngày 04/05/2017, cho đến khi trẻ Anh thành niên.

Về việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục chung: hai bên đương sự phải tạo mọi điều kiện cho nhau để thăm nom con và việc thăm nom con cũng không được ảnh hưởng đến sinh hoạt bình thường và học tập của trẻ; trường hợp có sự thay đổi nơi sinh sống, học tập của trẻ thì hai bên đương sự phải có nghĩa vụ thông báo cho nhau biết.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; khi có yêu cầu của cha, mẹ; người thân thích; cơ quan quản lý nhà nước về gia đình; cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em; hội liên hiệp phụ nữ, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Biểu quyết:

2.3. Cấp dưỡng nuôi con:

Ông **Vũ Tuấn A** cấp dưỡng nuôi con chung: trẻ **Vũ Thảo Vân A1**, nữ, sinh ngày 04/05/2017, cho đến khi thành niên.

Mức cấp dưỡng: 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) mỗi tháng.

Thời điểm bắt đầu cấp dưỡng: vào ngày 01 đến ngày 05 dương lịch mỗi tháng, bắt đầu cấp dưỡng từ tháng 09 năm 2024.

Việc giao – nhận số tiền cấp dưỡng hàng tháng và ông **Vũ Tuấn A** và bà **Trương Thị Thanh T1** tự thực hiện.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền cấp dưỡng thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền cấp dưỡng chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất

phát sinh do chậm trả tiền cấp dưỡng được xác định theo thỏa thuận của các bên đương sự, nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Khi có lý do chính đáng, cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Biểu quyết:

3. Về tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Biểu quyết:

4. Về án phí hôn nhân, gia đình và cấp dưỡng sơ thẩm:

Ông **Vũ Tuấn A** phải chịu án phí 600.000 đồng (Sáu trăm ngàn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí do ông **Vũ Tuấn A** đã tạm nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2023/0000132 ngày 01 tháng 11 năm 2023 của Chi cục **T2** hành án dân sự **Quận T, T** phố **Hạ Chí M**.

Ông **Vũ Tuấn A** phải nộp tiếp số tiền án phí cấp dưỡng 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Biểu quyết:

5. Quyền kháng cáo: ông **Vũ Tuấn A** và bà **Trương Thị Thanh T1** có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Biểu quyết:

6. Các vấn đề khác:

Giấy chứng nhận kết hôn số 73/2016 ngày 28/7/2016 tại Ủy ban nhân dân phường S, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, không còn giá trị kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành quyết định được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Biểu quyết:

Buổi nghị án kết thúc lúc 11 giờ 15 phút cùng ngày, các thành viên Hội đồng xét xử đã đọc lại biên bản và ghi nhận đúng nội dung đã quyết định.

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN

CHỦ TỌA PHIÊN TÒA